

Số: *26* /2017/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *17* tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật
viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định 81/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 6/2008/TTLT-BTTTT-BCA ngày 28/11/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông”;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng và Bộ Công thương về Quy định dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BXD-BTTTT ngày 22/6/2016 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng



về việc hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 154/TTr-STTTT ngày 30/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Đài PTTH Quảng Nam, Báo Quảng Nam;
- Phòng XD và KT VB QPPL – Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Hậu).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đình Văn Thu

QUY ĐỊNH

**Quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật
viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26./2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động bao gồm: nhà, trạm viễn thông; điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng; cột ăng ten; cột treo cáp viễn thông; hạ tầng kỹ thuật ngầm.

2. Cáp viễn thông: là tên gọi chung cho các loại cáp được sử dụng với mục đích truyền dẫn thông tin viễn thông hoặc truyền hình.

3. Cột treo cáp: là cột bằng thép, bê tông cốt thép hoặc vật liệu khác dùng để treo cáp tuân theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT.

4. Cột ăng ten: là cột được xây dựng để lắp đặt ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện (không bao gồm ăng ten máy thu thanh, thu hình của các hộ gia đình).

5. Các loại cột ăng ten: loại A1a, A1b, A2a, A2b, A2c được quy định theo Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. QCVN 33:2011/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông ban hành theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh; đảm bảo phục vụ an ninh quốc phòng, mỹ quan đô thị, chất lượng, an toàn cho người dân và các công trình lân cận.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ



quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

3. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc phối hợp xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực tham gia công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sử dụng chung.

Điều 5. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về xây dựng, trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm sao gửi 1 bản giấy phép xây dựng cho Sở Xây dựng (nếu giấy phép xây dựng không do Sở Xây dựng cấp) và 1 bản cho Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn giấy phép xây dựng gồm

a) Công trình cột ăng ten thuộc hệ thống cột ăng ten nằm ngoài đô thị phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về hướng tuyến;

b) Công trình cột ăng ten không chồng kèn tại khu vực đô thị phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khác thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và các quy định có liên quan.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều này phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công xây dựng (theo mẫu Phụ lục 1 Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BXD-BTTTT ngày 22/6/2016) cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, Sở Xây dựng và Sở Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 7 ngày làm việc trước khi khởi công.

4. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động gửi văn bản đăng ký địa điểm, hướng tuyến đầu tư cho Sở Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra địa điểm, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, có văn bản trả lời thống nhất chủ trương cho các tổ chức, cá

nhân về sự phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt và giải pháp kỹ thuật đối với địa điểm, hướng tuyến dự kiến lắp đặt.

b) Thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (đối với công trình thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng): thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng và các văn bản có liên quan. Trường hợp cột ăng ten phải cấp phép xây dựng nằm trong khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì UBND cấp huyện căn cứ biên bản kiểm tra vị trí của Sở Thông tin và Truyền thông, các phòng chức năng huyện và các hồ sơ liên quan (nếu có) để có văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng cho doanh nghiệp.

5. Thẩm quyền cấp phép

a) Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cột ăng ten loại: A2b, A2c trên địa bàn tỉnh (ngoại trừ các trường hợp tại Khoản 2 Điều này);

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép xây dựng các cột ăng ten loại A2a trên địa bàn quản lý (ngoại trừ các trường hợp tại Khoản 2 Điều này);

c) Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thực hiện cấp phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền (ngoại trừ các trường hợp tại Khoản 2 Điều này);

d) Các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động khác (điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, cột treo cáp viễn thông, hạ tầng kỹ thuật ngầm): thẩm quyền cấp phép theo quy định chung của Ủy ban nhân dân tỉnh về cấp phép xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành.

Chương II

SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 6. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sử dụng chung

1. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tuân thủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Đối với công trình đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các địa phương, Sở, ngành có liên quan xây dựng phương án giá thuê, lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính trước khi trình UBND tỉnh quyết định để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Sử dụng chung cột treo cáp

1. Tại các khu vực không còn khả năng đi ngầm cáp viễn thông trong các công trình hạ tầng kỹ thuật đi ngầm, chưa thể hạ ngầm nếu hệ thống cột treo cáp,

nếu còn khả năng treo thêm cáp viễn thông thì chủ sở hữu cột phải tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng chung để treo cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm mỹ quan đô thị, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT và các quy định hiện hành.

2. Không được tự ý treo cáp viễn thông lên cột treo cáp khi đơn vị sở hữu cột chưa cho phép.

3. Các đơn vị sử dụng chung cột để treo cáp viễn thông và đơn vị sở hữu cột phải thiết lập đường dây nóng, cung cấp đầy đủ số điện thoại liên lạc cần thiết. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp, trong thời gian sớm nhất các bên phải phối hợp khắc phục.

4. Phối hợp tháo dỡ, di dời cột treo cáp

a) Đơn vị sở hữu cột là đầu mối thông báo cho các đơn vị sử dụng chung cột để cùng phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc phải tháo dỡ, di dời cột;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di dời, thu hồi cột treo cáp để giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của nhà nước, đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột, phối hợp thực hiện di dời đồng bộ, chấp hành theo tiến độ của cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp trên cột phải tháo dỡ, di dời còn có hệ thống cáp viễn thông trên cột nhưng không thể nhận biết được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu trốn tránh trách nhiệm thì đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp giải quyết. Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, các đơn vị sở hữu cáp không có sự phối hợp hoặc hệ thống cáp trên cột vẫn chưa được tháo dỡ, di dời thì đơn vị sở hữu cột chủ trì tiến hành tháo gỡ, di dời hệ thống; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan phối hợp giám sát việc tháo gỡ hệ thống cáp viễn thông. Khi đó, đơn vị sở hữu cột không phải chịu trách nhiệm về việc hư hỏng vật tư, thiết bị, mất tín hiệu liên lạc của các đơn vị sử dụng chung cột không hợp tác.

Điều 8. Sử dụng chung cột ăng ten

1. Đối với các khu vực có cột ăng ten hiện hữu phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và đủ năng lực cho việc sử dụng chung thì chủ sở hữu cột ăng ten phải có trách nhiệm chia sẻ hạ tầng với tổ chức, cá nhân khác sử dụng chung trên cơ sở thỏa thuận, hợp tác, thống nhất về hợp đồng kinh tế để bảo đảm dùng chung hạ tầng, mỹ quan đô thị.

2. Phát triển mới cột ăng ten đảm bảo khoảng cách theo đúng quy định tại Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt như: cột ăng ten là trạm gốc, cột ăng ten nguy trang thân

thiện môi trường.

3. Hệ thống ăng ten lắp đặt trên cột ăng ten phải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 41:2016/BTTTT “Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM”, QCVN 32:2011/BTTTT “Chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông”, QCVN 9:2016/BTTTT “Tiếp đất cho các trạm viễn thông”; QCVN 08:2010/BTTTT “Phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” và các quy định có liên quan.

4. Đối với những khu vực cho phép đầu tư xây dựng mới cột ăng ten công kênh, chủ đầu tư phải tính toán thiết kế đảm bảo cột ăng ten đủ năng lực (chiều cao, kết cấu) để lắp đặt tối thiểu thiết bị của 2 doanh nghiệp trên cột và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định.

5. Đối với các cột ăng ten phục vụ cho an ninh quốc phòng phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 9. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

1. Đối với các khu vực có công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm hiện hữu đáp ứng năng lực sử dụng chung, chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm phải cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê sử dụng chung để đảm bảo dùng chung hạ tầng.

2. Đối với các khu vực có công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm hiện hữu nhưng không đáp ứng được cho việc sử dụng chung, khi nhận được đề nghị sử dụng chung, các bên phối hợp cùng cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm đảm bảo phù hợp các quy định kỹ thuật áp dụng cho công trình, sau đó phân chia dung lượng sử dụng theo tỷ lệ đầu tư hoặc theo thỏa thuận.

3. Những khu vực theo quy hoạch được xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm để ngầm hóa cáp viễn thông, ưu tiên các thành phần kinh tế tham gia đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm cho thuê để ngầm hóa cáp viễn thông sử dụng ít nhất trong 10 năm.

4. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, yêu cầu kỹ thuật và an toàn cho mạng lưới.

Chương III CHỈNH TRANG, NGẦM HÓA HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 10. Chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Căn cứ vào Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, hàng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, Ban, ngành liên quan và các doanh nghiệp viễn thông ban hành kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn.

2. Việc chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải bảo đảm tối đa việc sử dụng chung, phù hợp với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ



thuật có liên quan, an toàn và cảnh quan môi trường đô thị, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho mạng viễn thông.

3. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thực hiện chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo kế hoạch của địa phương, phối hợp và tham gia đóng góp kinh phí để thực hiện chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của đơn vị mình (nếu có).

Điều 11. Nội dung chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

- a) Thu hồi cáp hỏng, không sử dụng, cáp thuê bao vượt đường;
- b) Thay thế cáp thuê bao dung lượng nhỏ bằng cáp có dung lượng lớn;
- c) Gia cố, chỉnh sửa, thay thế cột, tủ/hộp cáp kém chất lượng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ quan đô thị;
- d) Kéo căng, bó gọn cáp treo;
- e) Sắp xếp cáp dự phòng, măng sông treo trên cột đúng quy định, không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông và mỹ quan;
- f) Treo thẻ sở hữu cáp và thẻ báo độ cao cáp;
- g) Nâng cấp đi treo hiện có;
- h) Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 12. Khắc phục cáp viễn thông đứt; tủ/hộp cáp, cột treo cáp bị hỏng

1. Khi cáp viễn thông đi treo đứt hoặc tủ/hộp cáp viễn thông bị hỏng, đơn vị sở hữu phải có mặt kịp thời để phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin. Sau 24 giờ, kể từ lúc nhận thông báo của cơ quan quản lý hoặc của tổ chức, cá nhân, đơn vị sở hữu không sửa chữa, khắc phục sự cố thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Khi cột treo cáp bị hỏng (gãy, đổ), đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thay thế bằng cột mới hoặc kéo dây gia cường để treo tạm cáp. Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, các đơn vị sở hữu cột phải thực hiện khắc phục xong sự cố.

3. Trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn gây đứt cáp viễn thông, hư hỏng tủ/hộp cáp, gãy, đổ cột treo cáp và cột ăng ten, đơn vị chủ sở hữu có trách nhiệm khắc phục hậu quả sau thiên tai, hỏa hoạn thực hiện chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông; dỡ bỏ, thu hồi, xử lý cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, cột treo cáp, cột ăng ten không còn sử dụng đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

Điều 13. Xử lý đối với trường hợp không thực hiện chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Doanh nghiệp không phối hợp để thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, lập biên bản và xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, cột treo cáp, cột ăng ten bị hỏng không sử dụng, xây dựng sai quy định hoặc không được triển khai chỉnh trang, ngầm hóa theo đúng lộ trình quy định nhưng không xác định được đơn vị sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập biên bản, xử lý theo quy định của pháp luật đối với tài sản vô chủ, đồng thời thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 14. Dấu hiệu nhận biết cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ

1. Cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật phải được gắn thẻ cáp. Các thiết bị phụ trợ gồm: tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình, bẻ cáp và cột treo cáp phải được ghi thông tin quản lý. Cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo độ cao.

2. Nội dung thông tin, quy cách thẻ cáp, biển báo độ cao được quy định theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng và Bộ Công thương về Quy định dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại các huyện, thị xã, thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định về quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của Luật Viễn thông và các quy định hiện hành.

3. Trên cơ sở Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, hằng năm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan ban hành kế hoạch chi tiết triển khai quy hoạch; chủ trì thực hiện kiểm tra, xác định vị trí, hướng tuyến công trình, thống nhất chủ trương cho các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

4. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn

thông thụ động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, lợi ích kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông. Hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thông cơ sở tuyên truyền, phổ biến các thông tin về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật; kịp thời giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng viễn thông, việc thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện số hóa dữ liệu, bản đồ đề cập nhật quản lý cơ sở dữ liệu về hiện trạng, quy hoạch và các dữ liệu khác có liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

8. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật đảm bảo an toàn hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật về an toàn hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện lồng ghép nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào các quy hoạch xây dựng, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Cung cấp thông tin liên quan về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp viễn thông biết; quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp, đảm bảo tuân thủ định hướng của các đề án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định về xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Thực hiện quản lý chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thuộc thẩm quyền theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy định không còn phù hợp về quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.